

Số: 627/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường sau khi tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức và chuyên gia về việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đã được Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú chỉnh sửa tại Văn bản số 01-22/STP ngày 23 tháng 02 năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 148/TTr-STNMT ngày 09 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất sợi công suất 8.457 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Công Thương;
- UBND huyện Định Quán;
- UBND xã Phú Cường;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QĐĐTM.Nhamayxssoi-CtySoiTruongPhu

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

“Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm)” tại Cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú”

(Kèm theo Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm).

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sợi Trường Phú.

1.3. Địa điểm thực hiện: Tại cụm công nghiệp Phú Cường, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

1.4. Địa chỉ liên hệ: 38/123 Chế Lan Viên, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 Quy mô, phạm vi dự án:

- Tổng diện tích đất thực hiện dự án 31.100 m².

- Quy mô dự án: Nhà máy sản xuất sợi công suất 9.803 tấn sản phẩm/năm (không bao gồm công đoạn nhuộm).

1.6. Các hạng mục, công trình chính của dự án

Nhà xưởng - văn phòng có diện tích 19.993 m²; nhà điều không AC1, AC2 có diện tích 684m² (04 tầng); nhà điều không AC3 có diện tích 424m² (04 tầng); nhà điều không AC4 có diện tích 131m² (04 tầng).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng (từ vệ sinh phương tiện thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng), bụi, khí thải từ máy móc thi công, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại: nước thải sinh hoạt và nước thải từ vệ sinh văn phòng; bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông; bụi bông từ các công đoạn sản xuất như công đoạn bông sợi, chảy thô, cuộn cúi, chảy kỹ, máy ghép, máy thô, kéo sợi con, đánh ống; chất thải rắn, chất thải nguy hại, bùn từ trạm xử lý nước thải.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

Tổng lượng nước thải trong giai đoạn thực hiện thi công xây dựng khoảng

11,7m³/ngày chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ công nhân thi công trên công trường khoảng 11,2m³/ngày, thành phần pH, SS, BOD₅, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat và nước thải từ quá trình xây dựng khoảng 0,5m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất lơ lửng.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Tổng lượng nước thải khoảng 8,4m³/ngày, gồm:

- Nước thải sinh hoạt từ các công nhân khoảng 7,9m³/ngày, thành phần ô nhiễm chính là pH, TSS, TDS, BOD₅, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng khoảng 0,5 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất lơ lửng.

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại:

Tổng lượng nước thải khoảng 16,3m³/ngày, gồm:

- Nước thải sinh hoạt từ các công nhân khoảng 15,8 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chính là pH, TSS, TDS, BOD₅, Sunfua, Amoni, Nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh văn phòng khoảng 0,5m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất lơ lửng.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, máy móc thi công; bụi và khí thải từ quá trình thi công xây dựng dự án; tiếng ồn, rung từ quá trình thi công xây dựng dự án; hơi dung môi từ quá trình sơn công trình; khói hàn từ các công đoạn hàn kết cấu thép.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển và phương tiện giao thông
Thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Bụi, CO, SO₂, NO_x, VOC, CH₄.

- Bụi xơ sợi từ các công đoạn công đoạn sản xuất như công đoạn bông sợi, chải thô, cuộn cúi, chải kỹ, máy ghép, máy thô, kéo sợi con, đánh ống.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải sinh hoạt khoảng 50kg/ngày; chất thải xây dựng (xà bần, gạch, vữa) khoảng 184 kg/ngày.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.365 kg/tháng; chất thải công nghiệp không nguy hại khoảng 3.174 kg/ngày.

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 2.730 kg/tháng; chất thải công nghiệp không nguy hại khoảng 50.647 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công: giẻ lau dầu nhớt, dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang thải,... hoảng 153 kg/thời gian thi công.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: Chủ yếu bao gồm các loại như hộp mực in thải, bóng đèn thải, pin thải, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu, bao bì cứng thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 08 kg/tháng.

c) Trong giai đoạn vận hành thương mại: chủ yếu bao gồm các loại như hộp mực in thải, bóng đèn thải, pin thải, dầu nhớt, giẻ lau dính dầu, bao bì cứng thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 101 kg/năm.

2.6. Quy mô, tính chất của các tác động khác:

Tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm; hoạt động giao thông của cán bộ công nhân; từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất tại các công đoạn sản xuất.

Nhiệt thừa phát sinh trong quá trình vận hành máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng: trang bị 04 nhà vệ sinh di động. Các loại chất thải từ nhà vệ sinh di động được giao cho đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải có công suất $20\text{m}^3/\text{ngày}$ của dự án. Số lượng bể tự hoại của dự án: 04 bể tự hoại.

- Nước thải phát sinh từ vệ sinh văn phòng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải có công suất $20\text{m}^3/\text{ngày}$ của dự án để tiếp tục xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của CCN Phú Cường.

- Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải, công suất $20\text{m}^3/\text{ngày}$: Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại, nước tại các bồn rửa tay từ nhà ăn sau khi tách dầu, vệ sinh văn phòng → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → theo đường ống đã tách riêng với hệ thống thoát nước mưa thoát ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Cường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 1,0$, $K_f = 1,2$ theo cam kết của Chủ dự án trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Phú Cường; đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công khai, minh bạch các đường ống thu gom nước thải; lắp đặt đồng hồ, kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải trước và sau xử lý, đảm bảo tổng lượng nước thải đầu vào không làm quá tải công suất vận hành của hệ thống xử lý nước thải; lưu giữ số liệu tại cơ sở và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Chủ dự án phải thực hiện đầu nối nước thải sau xử lý của dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Cường.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công đều phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép; lập kế hoạch bố trí phương tiện ra vào tập kết vật liệu thi công phù hợp.

- Các phương tiện, máy móc thi công cơ giới trên công trường đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; bố trí thời gian thi công phù hợp, tưới nước giảm bụi; che chắn khu vực thi công, trang bị bảo hộ lao động.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Tại vị trí phát sinh bụi bông đều được lắp đặt các chụp hút để thu gom bụi. Sơ đồ xử lý bụi như sau: Bụi bông → Chụp hút tích hợp trong máy, nền nhà xưởng → Hệ thống thu gom bụi kết hợp điều hòa không khí → thoát ra ngoài.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- + Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục, công trình của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B với các hệ số $K_v = 1,0$, K_p theo quy định trước khi xả ra môi trường.

- + Bố trí mặt bằng trong khuôn viên Nhà máy để trồng cây xanh, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh theo quy định của pháp luật.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải thông thường và chất thải rắn sinh hoạt:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt bố trí thùng rác 660L tại các điểm phát sinh, bố trí khu lưu giữ tạm chất thải rắn xây dựng, toàn bộ chất thải rắn được thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định. Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải với diện tích $5m^2$.

- Thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải xây dựng.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Toàn bộ chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom và lưu trữ vào các thùng chứa 660L (02 thùng) bố trí tại các điểm phát sinh, chuyển giao cho đơn vị có chức năng với tần suất 01 lần/ngày. Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải sinh hoạt với diện tích 07 m².

- Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời chất thải rắn công nghiệp không nguy hại với diện tích 08m².

- Bố trí khu vực lưu trữ tạm thời bụi, vụn bông, bông phế với diện tích 30m².

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Trong giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chứa có diện tích 05m².

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và vận hành thương mại:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chứa có diện tích 07 m², sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

- Các phương tiện tham gia xây dựng đạt tiêu chuẩn về mức độ gây ồn. Các phương tiện vận tải, máy móc thi công phải có giấy phép lưu hành của Cục Kiểm định.

- Các đoạn tuyến vận chuyển gần khu dân cư chỉ hoạt động trong thời gian

quy định không vận chuyển và thi công các công việc có mức ồn cao vào ban đêm (22 giờ đến 6 giờ sáng), giảm tốc độ khi đi qua khu vực dân cư.

- Các xe vận chuyển vật liệu xây dựng phải được phủ bạt hoàn toàn, không chở quá trọng tải quy định.

- Trong quá trình vận chuyển nếu xảy ra quá trình rơi đổ cát, đá, xi măng trên đường thì phải bố trí nhân công để thực hiện thu gom.

- Quy định các phương tiện vận tải và các máy công cụ có độ ồn cao không được hoạt động vào giờ nghỉ và cùng một thời điểm. Các phương tiện và máy thi công định kỳ bảo dưỡng, thường xuyên bôi trơn dầu mỡ. Hạn chế bóp còi khi đi qua các khu vực dân cư tập trung và trong công trường xây dựng.

- Trang bị bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn cao như: mũ chụp tai hoặc nút chống ồn. Công nhân vận hành các máy có độ ồn cao được luân phiên, có chế độ nghỉ ngơi hợp lý, tránh làm việc liên tục trong thời gian dài.

- Thường xuyên phối hợp với đơn vị nhà thầu để kiểm tra độ rung của các máy móc thiết bị trong quá trình hoạt động. Tránh gây tình trạng lún, nứt đến các công trình lân cận.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố tràn dầu, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý chất thải theo quy định hiện hành, bảo đảm không xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải nội bộ của dự án.

- 01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.

- 01 Hệ thống thu gom bụi bông kết hợp điều hòa không khí công suất 115.000 m³/giờ.

- 01 Hệ thống thu gom bụi bông kết hợp điều hòa không khí công suất 218.000 m³/giờ.

- 02 Hệ thống thu gom bụi bông kết hợp điều hòa không khí có cùng công suất 549.000 m³/giờ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát không khí xung quanh:

+ Tần suất: 06 tháng/lần.

+ Vị trí giám sát: 03 vị trí gồm khu vực phía Tây dự án; khu vực trung tâm dự án; khu vực phía Đông dự án.

+ Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, CO, SO₂, NO_x.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT (Cột A2).

b. Giám sát chất thải rắn:

+ Tần suất: 01 lần/ngày.

+ Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải.

+ Chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, khối lượng chất thải nguy hại.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm: các công trình xử lý chất thải phải đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải, việc quan trắc chất thải của công trình xử lý thực hiện theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thương mại:

a. Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm tại vị trí hố ga đầu nổi nước thải với CCN Phú Cường.

+ Chỉ tiêu giám sát: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, tổng Nitơ, tổng Photpho, tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 1,0, K_f = 1,2.

b. Giám sát khí thải:

+ Vị trí giám sát: 04 ống thoát khí của 04 hệ thống điều không.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.

+ Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, bụi.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B với các hệ số K_v = 1,0, K_p theo lưu lượng thực tế.

c. Giám sát chất thải rắn

- Tần suất: 01 lần/ngày.

- Vị trí giám sát: tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường.

- Chỉ tiêu giám sát: chủng loại và khối lượng chất thải phát sinh.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của Dự án: Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải khác đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm gửi các cơ quan quản lý theo quy định tại Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành dưới luật có liên quan.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Nhà máy.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường, đảm bảo các cam kết như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

7. Yêu cầu khác: Đề nghị chủ dự án liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đất đai theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án./.